

Số: 08/2021/QĐST-DS

*Thái Thụy, ngày 10 tháng 12 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần chứng khoán A; Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà A1 số 172 N, quận B, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Xuân T1, sinh năm 1983; Ông Lê Sơn T2, sinh năm 1983 và bà Trịnh Thị Thu H, sinh năm 1986; Đều có địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà A1 số 172 N, quận B, thành phố H. (Văn bản uỷ quyền số 21 ngày 16/8/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức K, sinh năm 1984; Luật sư của Công ty TNHH Luật Quốc Tế D – Địa chỉ: Tầng 4, số 25, phố V, phường L, quận B, thành phố H.

- Bị đơn: Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn T3, xã T4, huyện T5, tỉnh T6;

Người đại diện theo uỷ quyền theo giấy uỷ quyền ngày 23/11/2021:

- Ông Đỗ Mạnh L, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Đ1, xã T7, huyện V1, tỉnh T6.

- Ông Vũ Thái S, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số 128, đường L1, Thị trấn G, huyện V1, tỉnh N1;

- Ông Ngô Lê Trường A, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số nhà 32, Khu đô thị P, phường Đ2, thành phố T8, tỉnh B.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**1. Về số tiền dư nợ:** Tính đến hết ngày 02/12/2021, ông Lâm Văn Đ còn nợ A số tiền là: **3.746.581.361 đồng** (Ba tỷ, bảy trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi một nghìn ba trăm sáu mươi một đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: **2.508.339.506 đồng** (Hai tỷ, năm trăm lẻ tám triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm lẻ sáu đồng);

+ Nợ lãi trong hạn: **85.738.715 đồng** (Tám mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm mười lăm đồng);

+ Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 02/12/2021 là: **1.152.503.140 đồng** (Một tỷ, một trăm năm mươi hai triệu, năm trăm linh ba nghìn, một trăm bốn mươi đồng).

+ Các khoản phí khác: Không có.

- Về phương án trả nợ toàn bộ số tiền **3.746.581.361 đồng** bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn như sau:

+ Về xử lý tài sản đảm bảo: A còn quản lý 355.050 cổ phiếu FTM tại tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng Lâm Văn Đ (đã phong tỏa để đảm bảo thu hồi nợ ngày 19/8/2019). A có quyền bán giải chấp toàn bộ cổ phiếu FTM tại tài khoản giao dịch ký quỹ số 008C000941 của khách hàng Lâm Văn Đ tại bất cứ thời điểm nào mà A thấy phù hợp để thu hồi tối đa khoản nợ, trước khi bán A thông báo cho ông Lâm Văn Đ qua hình thức SMS, email, số điện thoại mới của ông Lâm Văn Đ 0966.049.090 hoặc phương thức khác do hai bên thỏa thuận về việc bán cổ phiếu. Sau khi bán A thông báo cho ông Lâm Văn Đ qua hình thức SMS, email, số điện thoại mới của ông Lâm Văn Đ 0966.049.090 về số lượng cổ phiếu đã bán, giá tại thời điểm khớp lệnh, phí thuế phát sinh khi bán, số tiền thực tế thu về để đối trừ khoản nợ (ưu tiên đối trừ nợ gốc trước), số dư nợ còn lại sau khi đã trừ, số lãi quá hạn và các khoản chi phí phát sinh (nếu có) cho đến khi thanh toán hết nợ hoặc bán hết cổ phiếu.

+ Trường hợp đã bán giải chấp hết số cổ phiếu FTM tại tài khoản giao dịch ký quỹ số 008C000941 của khách hàng Lâm Văn Đ, A vẫn chưa thu hồi hết dư nợ thực tế tại tài khoản ký quỹ chứng khoán thì ông Lâm Văn Đ còn phải tiếp tục trả dư nợ thực tế, chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán (cá nhân) số 000941/KH-A ngày 18/03/2019 và Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ số 000941/18/HĐ/A ngày 18/03/2019 và các Phụ lục, các điều kiện liên quan đến cho vay giao dịch ký quỹ cho đến khi thực tế ông Đ thanh toán hết nợ.

+ Trường hợp đã bán giải chấp hết số cổ phiếu FTM tại tài khoản giao

dịch ký quỹ số 008C000941 của khách hàng Lâm Văn Đ đủ thanh toán toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản thuế phí, các chi phí phát sinh mà còn dư tiền thì A sẽ hoàn trả lại tiền cho ông Lâm Văn Đ theo phương thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt giữa hai bên.

+ Trường hợp thực tế đã thanh toán hết dư nợ mà số cổ phiếu FTM tại tài khoản giao dịch ký quỹ số 008C000941 của khách hàng Lâm Văn Đ vẫn còn thì A gỡ bỏ phong tỏa tài khoản giao dịch ký quỹ và chuyển toàn bộ số cổ phiếu còn lại sang tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường thuộc quyền sở hữu của ông Lâm Văn Đ và tất cả các khoản chi phí phát sinh thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Về phương án trả nợ toàn bộ số tiền nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn như đã thỏa thuận: A được quyền bán toàn bộ số cổ phiếu FTM của ông Lâm Văn Đ để đối trừ nghĩa vụ trả nợ vào bất kỳ thời điểm nào đồng thời bên bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thực tế thanh toán hết các khoản nợ. Nếu ông Lâm Văn Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án buộc ông Đ phải trả cả gốc và lãi theo Hợp đồng giao dịch vay ký quỹ chứng khoán đã ký.

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải (02/12/2021), ông Lâm Văn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán (cá nhân) số 000941/KH-A ngày 18/03/2019 và Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ số 000941/18/HĐ/A ngày 18/03/2019, các Phụ lục các điều kiện liên quan đến cho vay giao dịch ký quỹ. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của A thì lãi suất mà ông Lâm Văn Đ phải tiếp tục thanh toán cho A cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của A.

**2. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án:** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3. Về án phí:** A và ông Lâm Văn Đ đều nhất trí mỗi bên phải chịu án 26.732.907 (Hai mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn chín trăm linh bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ số tiền 56.050.000 đồng (Năm mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số 0003828 ngày 29/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, trả lại cho A 29.317.093 (Hai mươi chín triệu ba trăm mười bảy nghìn không trăm chín ba đồng), ông Lâm Văn Đ phải chịu 26.732.907 (Hai mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn chín trăm linh bảy) án phí dân sự sơ thẩm.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thái Thụy.
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Đào Thị Xuân Quỳnh**